|  |  |
| --- | --- |
| **CHÍNH PHỦ -------**  Số: /2019/NĐ-CP | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc ---------------------**  Hà Nội, ngày tháng năm 2019 |

Dự thảo 1.9

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;*

*Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006;*

*Căn cứ Luật Viễn thông ngày 23 tháng 11 năm 2009;*

*Căn cứ Luật Quảng cáo ngày 21 tháng 6 năm 2012;*

*Căn cứ Luật An toàn thông tin mạng ngày 19 tháng 11 năm 2015;*

*Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông,*

**NGHỊ ĐỊNH**

**VỀ CHỐNG TIN NHẮN RÁC, THƯ ĐIỆN TỬ RÁC, CUỘC GỌI RÁC VÀ QUY ĐỊNH VỀ QUẢNG CÁO QUA GỬI TIN NHẮN, THƯ ĐIỆN TỬ VÀ GỌI ĐIỆN**

# **Chương 1**

# **NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

1. **Phạm vi điều chỉnh**

Nghị định này quy định về chống tin nhắn rác, thư điện tử rác, cuộc gọi rác và quy định về quảng cáo qua việc gửi tin nhắn, thư điện tử và gọi điện; quyền và nghĩa vụ của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan (sau đây gọi chung là tổ chức, cá nhân).

1. **Đối tượng áp dụng**

Nghị định này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân có liên quan tới hoạt động về chống tin nhắn rác, thư điện tử rác, cuộc gọi rác và quy định việc gửi tin nhắn, thư điện tử, cuộc gọi quảng cáo tại Việt Nam. Cụ thể như sau:

1. Doanh nghiệp viễn thông được cấp phép thiết lập mạng viễn thông di động;

2. Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ Internet;

3. Nhà cung cấp dịch vụ thư điện tử;

4. Nhà cung cấp dịch vụ quảng cáo;

5. Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

1. **Giải thích thuật ngữ**

1. Thông điệp dữ liệu là thông tin được tạo ra, được gửi đi, được nhận và được lưu trữ bằng phương tiện điện tử.

2. Tin nhắn là thông điệp dữ liệu được gửi đến điện thoại, máy nhắn tin hoặc thiết bị có chức năng nhận tin nhắn.

3. Thư điện tử là thông điệp dữ liệu được gửi đến một hoặc nhiều địa chỉ thư điện tử thông qua cơ sở hạ tầng thông tin.

4. Tin nhắn quảng cáo, thư điện tử quảng cáo, cuộc gọi quảng cáo là tin nhắn, thư điện tử, cuộc gọi nhằm giới thiệu đến công chúng sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ có mục đích sinh lợi; sản phẩm, dịch vụ không có mục đích sinh lợi; tổ chức, cá nhân kinh doanh sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ được giới thiệu, trừ tin thời sự; chính sách xã hội; thông tin cá nhân.

5. Tin nhắn quảng bá thời sự, chính sách xã hội là tin nhắn do các cơ quan nhà nước, tổ chức xã hội gửi tới nhiều người dùng nhằm cung cấp thông tin thời sự, chính sách xã hội.

6. Tin nhắn rác bao gồm các loại sau:

a) Tin nhắn quảng cáo mà không được sự đồng ý trước của người nhận hoặc tin nhắn quảng cáo vi phạm các quy định về gửi tin nhắn quảng cáo;

b) Tin nhắn quảng bá thời sự, chính sách xã hội không thuộc các loại hình được phép theo quy định của Pháp luật hoặc chưa được sự đồng ý của Bộ Thông tin và Truyền thông;

c) Tin nhắn có nội dung, mục đích lừa đảo, quấy rối hoặc phát tán virus máy tính, phần mềm gây hại hoặc vi phạm các nội dung bị cấm theo quy định của Pháp luật.

7. Thư điện tử rác bao gồm các loại sau:

a) Thư điện tử quảng cáo mà không được sự đồng ý trước của người nhận hoặc thư điện tử quảng cáo vi phạm các quy định về gửi thư điện tử quảng cáo;

b) Thư điện tử có nội dung, mục đích lừa đảo, quấy rối hoặc phát tán virus máy tính, phần mềm gây hại hoặc vi phạm các nội dung bị cấm theo quy định của Pháp luật.

8. Cuộc gọi rác là cuộc gọi quảng cáo mà không được sự đồng ý trước của người nhận hoặc cuộc gọi quảng cáo vi phạm các quy định về gọi điện quảng cáo.

9. Địa chỉ thư điện tử là địa chỉ được sử dụng để gửi hoặc nhận thư điện tử, bao gồm tên truy nhập của người sử dụng kết hợp với tên miền Internet.

10. Người sở hữu địa chỉ điện tử là người tạo ra hoặc được cấp địa chỉ điện tử đó.

11. Cơ sở hạ tầng thông tin là hệ thống trang thiết bị phục vụ cho việc sản xuất, truyền đưa, thu thập, xử lý, lưu trữ và trao đổi thông tin số, bao gồm mạng viễn thông, mạng Internet, mạng máy tính và cơ sở dữ liệu.

12. Chủ đề thư điện tử là một phần của tiêu đề nhằm trích yếu nội dung thư điện tử.

13. Tiêu đề thư điện tử là phần thông tin được gắn kèm với phần nội dung thư điện tử bao gồm thông tin về nguồn gốc, đích đến, tuyến đường đi, chủ đề và những thông tin khác về thư điện tử đó.

14. Tiêu đề tin nhắn là phần thông tin được gắn kèm với phần nội dung tin nhắn bao gồm nhưng không giới hạn nguồn gốc, thời gian gửi tin nhắn.

15. Người quảng cáo là tổ chức, cá nhân có nhu cầu quảng cáo sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ của mình hoặc bản thân tổ chức, cá nhân đó.

16. Nhà cung cấp dịch vụ quảng cáo là tổ chức cung cấp dịch vụ gửi thư điện tử quảng cáo, tin nhắn quảng cáo, cuộc gọi quảng cáo đến người nhận.

17. Mã số quản lý là mã số được Bộ Thông tin và Truyền thông cấp cho nhà cung cấp dịch vụ quảng cáo bằng thư điện tử, nhà cung cấp dịch vụ quảng cáo bằng tin nhắn khi chấp thuận hồ sơ đăng ký của đối tượng này.

Mã số quản lý gồm 4 ký tự trong đó:

a) Tổ hợp 03 ký tự đầu tiên (là các chữ cái Latin viết hoa (từ A đến Z) hoặc chữ số (từ 0 đến 9)) của mã số quản lý dùng để xác định doanh nghiệp, được cấp theo thứ tự đăng ký và đảm bảo không xâm phạm đến lợi ích quốc gia hoặc không phù hợp với đạo đức xã hội, với thuần phong, mỹ tục của dân tộc; thể hiện tính nghiêm túc để tránh sự hiểu lầm hoặc xuyên tạc do tính đa âm, đa nghĩa hoặc khi không dùng dấu trong tiếng Việt;

b) Ký tự cuối cùng là chữ số và có giá trị là 1, 2 dùng để xác định dịch vụ với: Giá trị là 1 tương ứng với dịch vụ quảng cáo bằng thư điện tử; Giá trị là 2 tương ứng với dịch vụ quảng cáo bằng tin nhắn.

18. Mã sản phẩm là mã số do nhà cung cấp dịch vụ quảng cáo gán cho từng sản phẩm, dịch vụ. Mã sản phẩm có thể bao gồm thông tin về nhóm sản phẩm, dịch vụ nhằm mục đích phân loại các sản phẩm, dịch vụ quảng cáo.

19. Tên định danh (brandname) là tập hợp các ký tự được Bộ Thông tin và Truyền thông cấp cho tổ chức, cá nhân để xác định thông tin về người gửi và sản phẩm, hàng hóa, hoặc dịch vụ của tổ chức, cá nhân đó. Tên dịnh danh bao gồm không quá 11 (mười một) ký tự viết liền nhau sử dụng chữ cái Latin, chữ số (từ 0 đến 9) hoặc các ký tự (-), (\_), (.) và khoảng trắng; không phân biệt chữ hoa, chữ thường; không là một tập hợp chỉ gồm các chữ số.

20. Dịch vụ nội dung qua tin nhắn là dịch vụ sử dụng tin nhắn để cung cấp thông tin hoặc các ứng dụng, tiện ích cho người sử dụng.

21. Doanh nghiệp viễn thông được cấp phép thiết lập mạng viễn thông di động là doanh nghiệp viễn thông di động hoặc doanh nghiệp viễn thông cố định có cung cấp dịch vụ tin nhắn.

22. Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ Internet là là doanh nghiệp viễn thông cung cấp dịch vụ Internet bao gồm dịch vụ truy nhập Internet và dịch vụ kết nối Internet, trong đó:

a) Dịch vụ truy nhập Internet là dịch vụ cung cấp cho người sử dụng Internet khả năng truy nhập đến Internet;

b) Dịch vụ kết nối Internet là dịch vụ cung cấp cho doanh nghiệp cung cấp dịch vụ truy nhập Internet, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ ứng dụng viễn thông khả năng kết nối với nhau để chuyển tải lưu lượng Internet.

23. Nhà cung cấp dịch vụ tin nhắn qua mạng Internet là doanh nghiệp cung cấp dịch vụ Internet có cung cấp dịch vụ gửi tin nhắn từ Internet vào mạng viễn thông di động và mạng viễn thông cố định

24. Nhà cung cấp dịch vụ thư điện tử là doanh nghiệp cung cấp dịch vụ Internet có cung cấp dịch vụ thư điện tử;

25. Nhà cung cấp dịch vụ quảng cáo là tổ chức cung cấp dịch vụ gửi tin nhắn quảng cáo, thư điện tử quảng cáo, cuộc gọi quảng cáo đến người nhận.

# **Chương 2**

# **CHỐNG TIN NHẮN RÁC, THƯ ĐIỆN TỬ RÁC, CUỘC GỌI RÁC**

## **Mục 1: Các biện pháp phòng chống, ngăn chặn tin nhắn rác, thư điện tử rác, cuộc gọi rác**

1. **Biện pháp phòng chống, ngăn chặn tin nhắn rác SMS**
   * + 1. Xây dựng, triển khai các hệ thống phòng chống, ngăn chặn tin nhắn rác.
       2. Theo dõi, giám sát, chia sẻ thông tin, dữ liệu về nguồn phát tán, mẫu tin nhắn rác.
       3. Tiếp nhận, xử lý phản ánh về tin nhắn rác.
       4. Giám sát hoạt động cung cấp dịch vụ quảng cáo qua tin nhắn.
       5. Ngăn chặn, thu hồi địa chỉ điện tử phát tán tin nhắn rác.
       6. Tăng cường phối hợp trong nước và quốc tế về phòng chống, ngăn chặn tin nhắn rác.
       7. Tuyên truyền, nâng cao nhận thức về phòng chống tin nhắn rác.
2. **Biện pháp phòng chống, ngăn chặn tin nhắn rác trên môi trường mạng Internet**
   * + 1. Xây dựng, triển khai các hệ thống phòng chống, ngăn chặn tin nhắn rác trên môi trường mạng Internet.
       2. Theo dõi, giám sát, chia sẻ thông tin, dữ liệu về nguồn phát tán, mẫu tin nhắn rác trên môi trường mạng Internet.
       3. Ngăn chặn, thu hồi địa chỉ điện tử phát tán tin nhắn rác trên môi trường mạng Internet.
       4. Tuyên truyền, nâng cao nhận thức về phòng chống tin nhắn rác trên môi trường mạng Internet.
3. **Biện pháp phòng chống, ngăn chặn thư điện tử rác**
   * + 1. Xây dựng, triển khai các hệ thống phòng chống, ngăn chặn thư điện tử rác.
       2. Theo dõi, giám sát, chia sẻ thông tin, dữ liệu về nguồn phát tán thư điện tử rác.
       3. Tiếp nhận, xử lý phản ánh về thư điện tử rác.
       4. Giám sát hoạt động cung cấp dịch vụ quảng cáo qua thư điện tử.
       5. Ngăn chặn, bóc gỡ nguồn phát tán thư điện tử rác.
       6. Tăng cường phối hợp trong nước và quốc tế về phòng chống, ngăn chặn thư điện tử rác.
       7. Tuyên truyền, nâng cao nhận thức về phòng chống thư điện tử rác.
4. **Biện pháp phòng chống, ngăn chặn cuộc gọi rác**
   * + 1. Xây dựng, triển khai các hệ thống phòng chống, ngăn chặn cuộc gọi rác.
       2. Theo dõi, giám sát, chia sẻ thông tin, dữ liệu về nguồn thực hiện cuộc gọi rác.
       3. Tiếp nhận, xử lý phản ánh về cuộc gọi rác.
       4. Ngăn chặn, thu hồi địa chỉ điện tử thực hiện cuộc gọi rác.
       5. Tăng cường phối hợp trong nước và quốc tế về phòng chống, ngăn chặn cuộc gọi rác.
       6. Tuyên truyền, nâng cao nhận thức về phòng chống cuộc gọi rác.
5. **Hệ thống tiếp nhận phản ánh tin nhắn rác, thư điện tử rác, cuộc gọi rác** 
   * + 1. Hệ thống phản ánh tin nhắn rác và tiếp nhận tin nhắn quảng cáo do Bộ Thông tin và Truyền thông xây dựng, vận hành theo đầu số 456 (đối với tin nhắn SMS).
       2. Hệ thống phản ánh thư điện tử rác, cuộc gọi rác do Bộ Thông tin và Truyền thông xây dựng và vận hành.
       3. Khi thực hiện các chương trình quảng cáo, nhà cung cấp dịch vụ quảng cáo bằng tin nhắn phải gửi đồng thời bản sao tin nhắn quảng cáo tới hệ thống phản ánh tin nhắn rác và tiếp nhận tin nhắn quảng cáo quy định tại khoản 1 Điều này.
       4. Người dùng có thể chuyển tiếp tin nhắn rác tới hệ thống phản ánh tin nhắn rác và tiếp nhận tin nhắn quảng cáo quy định tại khoản 1 Điều này.
       5. Người dùng có thể chuyển tiếp thư điện tử rác, bản ghi âm cuộc gọi rác tới hệ thống phản ánh thư điện tử rác, cuộc gọi rác quy định tại khoản 2 Điều này.
6. **Điều phối ngăn chặn, xử lý thư điện tử, tin nhắn, cuộc gọi rác**
   * + 1. Tổ chức, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ thư điện tử; tổ chức, doanh nghiệp cung cấp hạ tầng, hệ thống thư điện tử; tổ chức, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ truy nhập Internet; tổ chức, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ quảng cáo bằng thư điện tử có trách nhiệm tuân thủ các yêu cầu điều phối ngăn chặn, xử lý thư điện tử rác của Bộ Thông tin và Truyền thông.
       2. Tổ chức, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông; tổ chức, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ quảng cáo qua tin nhắn; tổ chức, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ nền tảng gửi tin nhắn có trách nhiệm tuân thủ các yêu cầu điều phối ngăn chặn, xử lý tin nhắn rác của Bộ Thông tin và Truyền thông.
       3. Tổ chức, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông; tổ chức, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ quảng cáo qua cuộc gọi có trách nhiệm tuân thủ các yêu cầu điều phối ngăn chặn, xử lý cuộc gọi rác của Bộ Thông tin và Truyền thông.
       4. Bộ Thông tin và Truyền thông là cơ quan điều phối ngăn chặn, xử lý thư điện tử, tin nhắn rác, cuộc gọi rác (gọi tắt là cơ quan điều phối).
7. **Danh sách số điện thoại không chấp nhận mọi tin nhắn quảng cáo, cuộc gọi quảng cáo**
   * + 1. Danh sách số điện thoại không nhận mọi tin nhắn quảng cáo,cuộc gọi quảng cáo là tập hợp số điện thoại mà người sở hữu số điện thoại đó đã đăng ký không nhận mọi tin nhắn quảng cáo, cuộc gọi quảng cáo.
       2. Mọi tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân không được phép gửi tin nhắn quảng cáo, gọi điện quảng cáo tới danh sách số điện thoại không chấp nhận mọi tin nhắn quảng cáo, cuộc gọi quảng cáo.
       3. Mọi tổ chức, cá nhân đều có quyền đăng ký không chấp nhận mọi tin nhắn quảng cáo, cuộc gọi quảng cáo đối với số điện thoại thuộc quyền sở hữu hợp pháp của mình.
       4. Bộ Thông tin và Truyền thông tổ chức xây dựng hệ thống quản lý danh sách số điện thoại, không chấp nhận tin nhắn quảng cáo, cuộc gọi quảng cáo bằng cách cho phép các thuê bao đăng ký hoặc hủy đăng ký thông qua cú pháp tin nhắn gửi về đầu số 456.
8. **Danh sách đen địa chỉ IP/dải IP phát tán thư điện tử rác**

Bộ Thông tin và Truyền thông tổ chức, xây dựng danh sách đen địa chỉ IP/dải IP (IP Blacklist) phát tán thư điện tử rác từ các nguồn thương mại và phi thương mại để làm cơ sở dữ liệu chung với mục đích cập nhật, chia sẻ đến các hệ thống máy chủ thư điện tử của các ISP, tổ chức nhằm hạn chế việc bị lạm dụng để phát tán thư điện tử rác từ các máy chủ mail.

## **Mục 2: Trách nhiệm của tổ chức, doanh nghiệp**

1. **Trách nhiệm của doanh nghiệp viễn thông di động** 
   * + 1. Có biện pháp tuyên truyền nâng cao nhận thức và hướng dẫn người sử dụng dịch vụ về cách thức phòng, chống tin nhắn, cuộc gọi rác.
       2. Cung cấp các công cụ tiếp nhận phản ánh tin nhắn rác, cuộc gọi rác từ người sử dụng, công cụ đăng ký nhận, từ chối tin nhắn quảng cáo, cuộc gọi quảng cáo theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông.
       3. Hướng dẫn thuê bao gửi thông báo tin nhắn, cuộc gọi rác và phản hồi các thông báo về tin nhắn, cuộc gọi rác tiếp nhận được.
       4. Thực hiện các biện pháp đánh giá tình trạng tin nhắn rác, cuộc gọi rác trên mạng di động của mình theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông
       5. Cung cấp thông tin liên quan đến tình trạng hệ thống nhắn tin, tổng đài cung cấp cuộc gọi dịch vụ theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
       6. Thực hiện các biện pháp nhằm ngăn chặn tin nhắn, cuộc gọi rác theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
       7. Không được cung cấp dịch vụ tin nhắn cho các nhà cung cấp dịch vụ quảng cáo mà chưa được Bộ Thông tin và Truyền thông cấp mã số quản lý.
       8. Ngăn chặn, thu hồi số thuê bao được dùng để phát tán tin nhắn rác, thực hiện cuộc gọi rác.
       9. Phối hợp với các nhà cung cấp dịch vụ tin nhắn trong và ngoài nước ngăn chặn tin nhắn, cuộc gọi rác.
       10. Tuân thủ các yêu cầu điều phối ngăn chặn, xử lý tin nhắn rác của Bộ Thông tin và Truyền thông; thực hiện yêu cầu xử lý các thông báo, phản ánh tin nhắn rác của Bộ Thông tin và Truyền thông.
       11. Cung cấp thông tin phục vụ hoạt động phòng chống, ngăn chặn tin nhắn, cuộc gọi rác theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
       12. Ngăn chặn tin nhắn, cuộc gọi rác giả mạo nguồn gửi trước khi gửi tới người sử dụng dịch vụ.
       13. Báo cáo, thống kê định kỳ theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
       14. Phối hợp với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền để thực hiện các biện pháp nghiệp vụ khác theo quy định của pháp luật.
       15. Xây dựng, vận hành và duy trì hệ thống kỹ thuật ngăn chặn tin nhắn rác bảo đảm ngăn chặn được tin nhắn rác theo nguồn gửi, tần suất và mẫu tin nhắn rác.
       16. Xây dựng, vận hành và duy trì hệ thống kỹ thuật ngăn chặn cuộc gọi rác.
       17. Cung cấp, cập nhật và chia sẻ các mẫu tin nhắn rác cho Bộ Thông tin và Truyền thông và các doanh nghiệp viễn thông di động khác.
       18. Xây dựng, vận hành, duy trì và công khai thông tin trên trang thông tin điện tử của mình về hệ thống tiếp nhận phản ánh tin nhắn, cuộc gọi rác từ người sử dụng, hướng dẫn người sử dụng gửi phản ánh tin nhắn, cuộc gọi rác tới hệ thống của mình và hệ thống tại khoản 1 Điều này.
       19. Duy trì kết nối và cung cấp, cập nhật thông tin về danh sách các số thuê bao phát tán tin nhắn, cuộc gọi rác bị ngăn chặn, số lượng tin nhắn, cuộc gọi rác bị chặn đến hệ thống tiếp nhận tin nhắn, cuộc gọi rác của Bộ Thông tin và Truyền thông.
       20. Chỉ gửi tin nhắn sử dụng tên định danh đối với những tên định danh đã được Bộ Thông tin và Truyền thông cấp.
       21. Phải có cam kết về tỷ lệ tin nhắn gửi thành công đối với tin nhắn quảng cáo, tin nhắn cung cấp dịch vụ nội dung, tin nhắn sử dụng tên định danh trong thỏa thuận cung cấp dịch vụ với nhà cung cấp dịch vụ quảng cáo hoặc nhà cung cấp dịch vụ nội dung.
       22. Triển khai các biện pháp phòng chống, ngăn chặn việc giả mạo tên định danh và việc khai thác, sử dụng tên định danh không phải do Bộ Thông tin và Truyền thông cấp.
       23. Bảo đảm kết nối luôn sẵn sàng và khả dụng từ hệ thống nhắn tin của doanh nghiệp tới hệ thống phản ánh tin nhắn rác và tiếp nhận tin nhắn quảng cáo.
       24. Chuyển tiếp ngay khi nhận được các phản ánh tin nhắn rác tới hệ thống phản ánh tin nhắn rác và tiếp nhận tin nhắn quảng cáo quy định tại khoản 1 Điều 10 Nghị định này.
2. **Trách nhiệm của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ Internet**
   * + 1. Có biện pháp tuyên truyền nâng cao nhận thức và hướng dẫn người sử dụng dịch vụ về cách thức phòng, chống thư điện tử rác.
       2. Cung cấp miễn phí cơ chế tiếp nhận, xử lý các thông báo về thư điện tử rác từ người sử dụng.
       3. Cung cấp thông tin và ngăn chặn các nguồn phát tán thư điện tử rác, phần mềm độc hại theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
       4. Phối hợp với các nhà cung cấp dịch vụ Internet trong nước và quốc tế để hạn chế thư điện tử rác.
       5. Thực hiện các biện pháp nhằm hạn chế thư điện tử rác theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
       6. Phối hợp với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền để thực hiện các biện pháp nghiệp vụ khác theo quy định của pháp luật.
       7. Chuyển tiếp thông báo về thư điện tử rác về hệ thống của Bộ Thông tin và Truyền thông.
       8. Thiết lập địa chỉ hộp thư điện tử để tiếp nhận thông báo về thư điện tử rác từ người sử dụng.
       9. Hướng dẫn người sử dụng gửi phản ánh thư điện tử rác về hệ thống tiếp nhận thư điện tử rác của mình và của Bộ Thông tin và Truyền thông.
       10. Cấu hình hệ thống chặn, lọc các nguồn phát tán thư điện tử rác, phần mềm độc hại (địa chỉ IP, tên miền, URL, tài khoản, …) bao gồm cả nguồn trong mạng và ngoài mạng theo yêu cầu của Bộ Thông tin và Truyền thông.
       11. Cung cấp, cập nhật các thông tin mô tả, cấu hình kỹ thuật của hệ thống chặn lọc nguồn phát tán thư điện tử rác, các sự cố về thư điện tử rác trên mạng của mình (ví dụ: địa chỉ IP, tên miền bị các tổ chức quốc tế chặn, ...), thông tin liên quan tới nguồn phát tán theo yêu cầu của Bộ Thông tin và Truyền thông.
       12. Cung cấp, cập nhật danh sách các nguồn phát tán thư điện tử rác, mã độc (Blacklist) về hệ thống của Bộ Thông tin và Truyền thông.
       13. Công khai trên website của mình và gửi thư điện tử mỗi khi người dùng đăng ký sử dụng dịch vụ truy cập Internet về các hướng dẫn phản ánh thư điện tử rác tới hệ thống tiếp nhận thư điện tử rác của mình và của Bộ Thông tin và Truyền thông.
3. **Trách nhiệm của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ thư điện tử** 
   * + 1. Có biện pháp tuyên truyền nâng cao nhận thức và hướng dẫn người sử dụng dịch vụ về cách thức phòng, chống thư điện tử rác.
       2. Cung cấp công cụ để người sử dụng dịch vụ có thể lựa chọn nhận các loại thư điện tử quảng cáo ngay từ máy chủ nhận thư.
       3. Có biện pháp để tránh mất mát và ngăn chặn sai thư điện tử của người sử dụng dịch vụ.
       4. Cung cấp miễn phí công cụ tiếp nhận và xử lý các thông báo về thư điện tử rác từ người sử dụng.
       5. Cung cấp miễn phí công cụ ngăn chặn thư điện tử rác trên máy chủ thư điện tử cho người sử dụng.
       6. Cung cấp thông tin liên quan đến tình trạng hệ thống máy chủ thư điện tử theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
       7. Thực hiện các biện pháp nhằm hạn chế thư điện tử rác theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
       8. Không được cung cấp dịch vụ thư điện tử cho các nhà cung cấp dịch vụ quảng cáo bằng thư điện tử mà chưa được Bộ Thông tin và Truyền thông cấp mã số quản lý.
       9. Lưu lại phần tiêu đề thư điện tử trong thời gian tối thiểu là 60 ngày.
       10. Báo cáo, thống kê định kỳ theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
       11. Phối hợp với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền để thực hiện các biện pháp nghiệp vụ khác theo quy định của pháp luật.
       12. Thiết lập địa chỉ hộp thư điện tử để tiếp nhận thông báo về thư điện tử rác từ người sử dụng.
       13. Chuyển tiếp thông báo về thư điện tử rác về hệ thống của Bộ Thông tin và Truyền thông; cấu hình hệ thống để chuyển tiếp thư điện tử rác theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông.
       14. Công khai trên website của mình và gửi thư điện tử mỗi khi người dùng đăng ký sử dụng dịch vụ thư điện tử về các hướng dẫn phản ánh thư điện tử rác tới hệ thống tiếp nhận thư điện tử rác của mình và của Bộ Thông tin và Truyền thông.
       15. Cung cấp, cập nhật các thông tin mô tả, cấu hình kỹ thuật của hệ thống thư điện tử, hệ thống chặn lọc thư điện tử rác về Bộ Thông tin và Truyền thông;
       16. Cấu hình hệ thống chặn, lọc, cập nhật danh sách các nguồn phát tán thư điện tử rác theo yêu cầu của Bộ Thông tin và Truyền thông.
       17. Cấu hình hệ thống để ngăn ngừa máy chủ thư điện tử thành trung gian chuyển tiếp thư điện tử rác (open relay).
       18. Giám sát, kiểm soát, rà quét hệ thống thư điện tử để đảm bảo không trở thành nguồn phát tán thư điện tử rác.
       19. Khi phát hiện thư điện tử rác Bộ Thông tin và Truyền thông gửi cho tổ chức, doanh nghiệp có hệ thống là nguồn phát tán thư điện tử rác yêu cầu chủ động rà soát, ngăn chặn, xử lý nguồn phát tán thư điện tử rác. Trong vòng 24 giờ nếu nguồn phát tán thư điện tử rác còn tồn tại, Bộ Thông tin và Truyền thông yêu cầu các tổ chức, doanh nghiệp có liên quan thực hiện các biện pháp ngăn chặn, phong tỏa nguồn phát tán đó.

**Chương 3**

# **QUẢNG CÁO QUA TIN NHẮN, THƯ ĐIỆN TỬ, GỌI ĐIỆN**

## **Mục 1**

## **Nguyên tắc quảng cáo qua việc gửi tin nhắn, thư điện tử, gọi điện**

1. **Nguyên tắc thu thập, sử dụng địa chỉ điện tử cho mục đích gửi tin nhắn quảng cáo, gửi thư điện tử quảng cáo, gọi điện quảng cáo**

1. Chỉ được thu thập địa chỉ điện tử cho mục đích gửi thư điện tử, tin nhắn, gọi điện quảng cáo khi được sự đồng ý của người sở hữu địa chỉ điện tử đó.

2. Phải nêu rõ mục đích, phạm vi sử dụng khi tiến hành thu thập địa chỉ điện tử.

3. Phải sử dụng địa chỉ thư điện tử theo đúng mục đích, phạm vi đã được người sở hữu địa chỉ đó cho phép.

1. **Nguyên tắc gửi tin nhắn quảng cáo, thư điện tử quảng cáo, gọi điện quảng cáo**
   * + 1. Chỉ được phép gửi tin nhắn quảng cáo, thư điện tử quảng cáo, gọi điện quảng cáo đến người nhận khi có sự đồng ý một cách rõ ràng trước đó của người nhận hoặc khi người nhận chưa nằm trong danh sách quy định tại Khoản 1 Điều 10 Nghị định này.
       2. Phải chấm dứt việc gửi đến người nhận các tin nhắn quảng cáo, thư điện tử quảng cáo hoặc thực hiện gọi điện quảng cáo ngay sau khi nhận được yêu cầu từ chối của người nhận.
       3. Chỉ được phép gửi tin nhắn quảng cáo, thư điện tử quảng cáo, gọi điện quảng cáo từ địa chỉ điện tử và hệ thống theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông.
       4. Khi gửi tin nhắn quảng cáo, thư điện tử quảng cáo, gọi điện quảng cáo nhà cung cấp dịch vụ quảng cáo phải gửi đồng thời một bản sao nội dung tới hệ thống kỹ thuật của Bộ Thông tin và Truyền thông.
       5. Không được phép gửi quá 01 tin nhắn quảng cáo, 01 thư điện tử quảng cáo, 01 cuộc gọi quảng cáo tới một địa chỉ điện tử trong vòng 24 giờ trừ trường hợp đã có thỏa thuận khác với người nhận.
       6. Chỉ được gửi tin nhắn, gọi điện quảng cáo trong khoảng thời gian từ 7 giờ đến 22 giờ mỗi ngày trừ trường hợp đã có thỏa thuận khác với người nhận.
       7. Nội dung quảng cáo phải phù hợp với quy định của pháp luật về quảng cáo.
2. **Tổ chức, cá nhân sử dụng dịch vụ quảng cáo qua tin nhắn, thư điện tử**

Khi sử dụng dịch vụ quảng cáo bằng tin nhắn, thư điện tử người quảng cáo chỉ được phép sử dụng dịch vụ của các nhà cung cấp dịch vụ quảng cáo bằng tin nhắn, thư điện tử đã được Bộ Thông tin và Truyền thông cấp mã số quản lý và công bố trên trang thông tin điện tử [mic.gov.vn](http://www.vncert.gov.vn).

1. **Quy định về đăng ký nhận tin nhắn quảng cáo, thư điện tử quảng cáo, cuộc gọi quảng cáo**
2. Nhà cung cấp dịch vụ quảng cáo chỉ được phép gửi tin nhắn quảng cáo, thư điện tử quảng cáo, gọi quảng cáo đến người dùng khi người dùng đã thể hiện sự đồng ý nhận quảng cáo một cách rõ ràng, cụ thể qua một trong các cách sau:
3. Gửi tin nhắn đăng ký;
4. Gửi thư điện tử đăng ký;
5. Khai báo và xác nhận vào mẫu đăng ký trên giấy in, cổng/trang thông tin điện tử, các ứng dụng trực tuyến, mạng xã hội;
6. Gọi điện đến tổng đài thoại để đăng ký;

đ) Sử dụng phần mềm hỗ trợ đăng ký nhận quảng cáo.

1. Nhà cung cấp dịch vụ quảng cáo phải công khai thỏa thuận về việc đăng ký, gửi nhận, từ chối thư điện tử quảng cáo, tin nhắn quảng cáo trên cổng/trang thông tin điện tử của mình (nếu có) đối với người nhận và thực hiện đúng các thỏa thuận gửi thư điện tử quảng cáo, tin nhắn quảng cáo đối với người nhận.
2. Nhà cung cấp dịch vụ quảng cáo phải có giải pháp cho phép người nhận từ chối việc nhận tin nhắn quảng cáo, thư điện tử quảng cáo, gọi điện quảng cáo.

## **Mục 2: Gửi tin nhắn quảng cáo bằng SMS**

1. **Yêu cầu đối với tin nhắn quảng cáo bằng SMS**

1. Tin nhắn quảng cáo phải được gắn nhãn theo quy định tại Điều 20 Nghị định này.

2. Trường hợp sử dụng dịch vụ quảng cáo phải có thêm thông tin về nhà cung cấp dịch vụ quảng cáo theo quy định tại Điểm b, Khoản 3, Điều 20 Nghị định này.

3. Có chức năng từ chối theo quy định tại Điều 21 Nghị định này.

1. **Quy định về gắn nhãn tin nhắn quảng cáo bằng SMS**

1. Mọi tin nhắn quảng cáo đều phải gắn nhãn.

2. Nhãn được đặt ở vị trí đầu tiên trong phần nội dung tin nhắn.

3. Nhãn có dạng như sau:

a) [QC] hoặc [ADV] đối với tin nhắn được gửi từ người quảng cáo;

b) [Mã số quản lý] đối với tin nhắn được gửi từ nhà cung cấp dịch vụ quảng cáo. Mã số quản lý được định nghĩa tại Khoản 17, Điều 3 Nghị định này.

1. **Quy định về thông tin của nhà cung cấp dịch vụ quảng cáo bằng tin nhắn SMS**

1. Thông tin về nhà cung cấp dịch vụ quảng cáo bằng tin nhắn là mã số quản lý, mã sản phẩm (nếu có).

2. Thông tin về nhà cung cấp dịch vụ quảng cáo bằng tin nhắn được đặt trong phần gán nhãn theo quy định tại Điều 20 Nghị định này.

1. **Quy định về chức năng từ chối nhận tin nhắn quảng cáo bằng SMS**

1. Phần thông tin cho phép người nhận từ chối nhận tin nhắn quảng cáo phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Đặt ở cuối tin nhắn quảng cáo và được thể hiện rõ ràng bằng tiếng Việt;

b) Phải có phần hướng dẫn người nhận từ chối tin nhắn quảng cáo mà người dùng đã đăng ký nhận trước đó;

c) Trong trường hợp cần thiết, nhà cung cấp dịch vụ quảng cáo bằng tin nhắn có thể cung cấp khả năng từ chối bổ sung như từ chối một sản phẩm hoặc từ chối một nhóm sản phẩm;

d) Có hướng dẫn rõ ràng về các cấp độ từ chối theo các điểm b và điểm c khoản 1 và các hình thức từ chối theo quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Hình thức từ chối nhận tin nhắn quảng cáo phải bao gồm:

a) Từ chối bằng tin nhắn;

b) Từ chối qua điện thoại.

3. Ngay khi nhận được yêu cầu từ chối, người quảng cáo hoặc nhà cung cấp dịch vụ quảng cáo phải gửi ngay thông tin xác nhận đã nhận được yêu cầu từ chối và phải chấm dứt việc gửi loại tin nhắn quảng cáo đã bị từ chối đến người nhận đó.

4. Thông tin xác nhận đảm bảo các yêu cầu:

a) Thông báo đã nhận được yêu cầu từ chối, thời gian nhận yêu cầu từ chối và thời hạn ngừng gửi tin nhắn quảng cáo;

b) Chỉ được gửi thành công một lần và không chứa thông tin quảng cáo.

5.  Nhà cung cấp dịch vụ quảng cáo hoặc người quảng cáo không được phép thu cước phát sinh để thực hiện yêu cầu từ chối nhận quảng cáo của người nhận.

1. **Đăng ký, cấp, gia hạn, thu hồi mã số quản lý dịch vụ gửi tin nhắn quảng cáo bằng SMS.**

1. Đăng ký mã số quản lý

a) Tổ chức cung cấp dịch vụ quảng cáo qua tin nhắn phải có mã số quản lý do Bộ Thông tin và Truyền thông cấp;

b) Hồ sơ đăng ký phải thể hiện đầy đủ các thông tin về tổ chức cung cấp dịch vụ quảng cáo bằng tin nhắn, thông tin kỹ thuật phù hợp với yêu cầu về điều kiện quy định tại Điều 24 Nghị định này. Bản khai đăng ký mã số quản lý theo mẫu số 01 phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

c) Mã số quản lý có thời hạn là 03 (ba) năm kể từ ngày cấp;

d) Mẫu giấy chứng nhận mã số quản lý dịch vụ quảng cáo bằng tin nhắn được quy định tại mẫu số 02 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định định này.

2. Gia hạn mã số quản lý

a) Chậm nhất là 30 ngày trước khi mã số quản lý hết hiệu lực, tổ chức phải gửi Bản khai gia hạn mã số quản lý theo mẫu số 01 phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này về Bộ Thông tin và Truyền thông;

b) Thời gian gia hạn mã số quản lý tối đa là 03 (ba) năm.

3. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Bộ Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm cấp giấy chứng nhận mã số quản lý dịch vụ quảng cáo bằng tin nhắn; trường hợp từ chối, Bộ Thông tin và Truyền thông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

4. Tổ chức đăng ký phải nộp phí, lệ phí đăng ký.

5. Thu hồi mã số quản lý trong các trường hợp sau:

a) Mã số quản lý hết thời hạn mà không được gia hạn;

b) Tổ chức có đề nghị thu hồi mã số quản lý bằng văn bản;

c) Tổ chức bị giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, giấy chứng nhận đầu tư hoặc bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền ra quyết định chấm dứt hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực quảng cáo;

d) Tổ chức bị xử phạt vi phạm hành chính có áp dụng biện pháp thu hồi mã số quản lý.

6. Việc thu hồi mã số quản lý được Bộ Thông tin và Truyền thông thông báo bằng văn bản và đăng tải trên trang thông tin điện tử mic.gov.vn.

7. Kể từ ngày mã số quản lý bị thu hồi, tổ chức phải chấm dứt việc sử dụng mã số quản lý đó.

1. **Nhà cung cấp dịch vụ quảng cáo bằng tin nhắn SMS**

1. Nhà cung cấp dịch vụ quảng cáo bằng tin nhắn phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Gửi tin nhắn quảng cáo từ hệ thống kỹ thuật đặt tại Việt Nam và hệ thống kỹ thuật phải đáp ứng các yêu cầu của Bộ Thông tin và Truyền thông;

b) Có hệ thống tiếp nhận, xử lý yêu cầu từ chối của người nhận theo quy định tại Điều 24 Nghị định này;

c) Đã được Bộ Thông tin và Truyền thông cấp mã số quản lý.

2. Khi thay đổi hệ thống gửi tin nhắn quảng cáo phải thông báo trước với Bộ Thông tin và Truyền thông.

3. Được tạo điều kiện để cung cấp dịch vụ và chịu trách nhiệm trước pháp luật về toàn bộ nội dung dịch vụ cung cấp trên hệ thống.

4. Cung cấp yêu cầu từ chối của người nhận cho người quảng cáo trong trường hợp danh sách địa chỉ điện tử dùng để gửi quảng cáo trước đó là do người quảng cáo cung cấp.

5. Lưu lại thông tin đăng ký nhận quảng cáo, thông tin yêu cầu từ chối và thông tin xác nhận yêu cầu từ chối.

6. Lưu lại tin nhắn quảng cáo trong thời gian tối thiểu là 60 ngày.

7. Báo cáo, thống kê định kỳ theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

8. Phối hợp với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền để thực hiện các biện pháp nghiệp vụ khác theo quy định của pháp luật.

1. **Hệ thống kỹ thuật của nhà cung cấp dịch vụ quảng cáo bằng tin nhắn SMS**

Hệ thống kỹ thuật của nhà cung cấp dịch vụ quảng cáo bằng tin nhắn có đầy đủ các chức năng:

1. Tiếp nhận đăng ký nhận quảng cáo.
2. Tự động gắn nhãn và nội dung hướng dẫn từ chối nhận quảng cáo.
3. Tiếp nhận từ chối nhận quảng cáo, tự động gửi thông tin xác nhận việc từ chối nhận quảng cáo và ngừng gửi quảng cáo tới người dùng.
4. Cho phép người dùng tra cứu trạng thái đăng ký nhận quảng cáo qua tin nhắn.
5. Thống kê số liệu về việc gửi tin nhắn quảng cáo và tình hình đăng ký, từ chối nhận tin nhắn quảng cáo.
6. Tự động gửi bản sao tin nhắn quảng cáo tới đầu số 456.
7. Lưu trữ và tra cứu lịch sử các tin nhắn gửi và nhận từ số điện thoại bất kỳ trong thời hạn lưu trữ. Thời hạn lưu trữ đối với thông tin đăng ký nhận quảng cáo, thông tin yêu cầu từ chối và thông tin xác nhận yêu cầu từ chối là vĩnh viễn; thời hạn lưu trữ đối với tin nhắn quảng cáo tối thiểu là 60 ngày.
8. **Trách nhiệm của doanh nghiệp viễn thông di động**

1. Cung cấp địa chỉ điện tử cho hoạt động gửi tin nhắn quảng cáo theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông.

2. Cung cấp dịch vụ cho phép gửi nhận tin nhắn, dịch vụ cho phép gửi nhận tin nhắn sử dụng tên định danh cho nhà cung cấp dịch vụ quảng cáo bằng tin nhắn đã được Bộ Thông tin và Truyền thông cấp mã số quản lý. Thỏa thuận về việc cung cấp dịch vụ thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông.

3. Chậm nhất trong vòng 30 ngày, phải cho phép doanh nghiệp đã được cấp mã số quản lý kết nối kỹ thuật với hệ thống của mình để cung cấp dịch vụ nội dung qua tin nhắn và dịch vụ quảng cáo bằng tin nhắn.

4. Không phân biệt đối xử giữa các nhà cung cấp dịch vụ gửi tin nhắn quảng cáo, nhà cung cấp dịch vụ nội dung qua tin nhắn là đơn vị thành viên của mình với các nhà cung cấp dịch vụ gửi tin nhắn quảng cáo khác.

## **Mục 3: Gửi thư điện tử quảng cáo**

1. **Yêu cầu đối với thư điện tử quảng cáo**

1. Chủ đề phải phù hợp với nội dung và nội dung quảng cáo phải tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật về quảng cáo.

2. Thư điện tử quảng cáo phải được gắn nhãn theo quy định tại Điều 27 Nghị định này.

3. Có thông tin về người quảng cáo theo quy định tại Khoản 1, Điều 28 Nghị định này.

4. Trường hợp sử dụng dịch vụ quảng cáo phải có thêm thông tin về nhà cung cấp dịch vụ quảng cáo theo quy định tại Khoản 2, Khoản 3, Điều 28 Nghị định này.

5. Có chức năng từ chối theo quy định tại Điều 29 Nghị định này.

1. **Quy định gắn nhãn thư điện tử quảng cáo**

1. Mọi thư điện tử quảng cáo đều phải gắn nhãn.

2. Nhãn được đặt ở vị trí đầu tiên trong phần chủ đề.

3. Nhãn có dạng như sau:

a) [QC] hoặc [ADV] đối với thư điện tử được gửi từ người quảng cáo;

b) [Mã số quản lý] đối với thư điện tử được gửi từ nhà cung cấp dịch vụ quảng cáo. Mã số quản lý được định nghĩa theo Điều 3 Nghị định này.

1. **Quy định về thông tin của nhà cung cấp dịch vụ quảng cáo và người quảng cáo bằng thư điện tử**

1. Thông tin về người quảng cáo bao gồm tên, số điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ địa lý và địa chỉ trang tin điện tử (nếu có).

2. Thông tin về nhà cung cấp dịch vụ quảng cáo bao gồm tên, số điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ địa lý, địa chỉ trang tin điện tử, mã số quản lý mã sản phẩm (nếu có).

3. Thông tin về nhà cung cấp dịch vụ quảng cáo và người quảng cáo bằng thư điện tử phải được thể hiện một cách rõ ràng và đặt liền trước phần lựa chọn cho phép người nhận từ chối nhận thư điện tử quảng cáo.

1. **Quy định về chức năng từ chối nhận thư điện tử quảng cáo**

1. Phần thông tin cho phép người nhận từ chối nhận thư điện tử quảng cáo phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Đặt ở cuối thư điện tử quảng cáo và được thể hiện rõ ràng, dễ hiểu bằng tiếng Việt và tiếng Anh;

b) Phải có phần khẳng định người nhận có quyền từ chối tất cả sản phẩm từ người quảng cáo. Trong trường hợp sử dụng dịch vụ quảng cáo, phải có phần khẳng định người nhận có quyền từ chối tất cả sản phẩm quảng cáo từ nhà cung cấp dịch vụ quảng cáo;

c) Trong trường hợp cần thiết, nhà cung cấp dịch vụ quảng cáo bằng thư điện tử có thể cung cấp khả năng từ chối bổ sung như từ chối một sản phẩm hoặc tù chối một nhóm sản phẩm;

d) Có hướng dẫn rõ ràng về các cấp độ từ chối theo các điểm b và điểm c khoản 1 và các hình thức từ chối theo quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Hình thức từ chối nhận thư điện tử quảng cáo phải bao gồm:

a) Từ chối qua trang thông tin điện tử;

b) Từ chối bằng thư điện tử;

c) Từ chối qua điện thoại.

3. Ngay khi nhận được yêu cầu từ chối, người quảng cáo hoặc nhà cung cấp dịch vụ quảng cáo phải gửi ngay thông tin xác nhận đã nhận được yêu cầu từ chối và trong vòng 24 giờ phải chấm dứt việc gửi loại thư điện tử quảng cáo đã bị từ chối đến người nhận đó trừ trường hợp bất khả kháng.

4. Thông tin xác nhận đảm bảo các yêu cầu:

a) Có phần khẳng định đã nhận được yêu cầu từ chối, thời gian nhận yêu cầu từ chối và thời hạn ngừng gửi thư điện tử quảng cáo;

b) Chỉ được gửi thành công một lần và không chứa thông tin quảng cáo.

5. Nhà cung cấp dịch vụ quảng cáo phải trả các chi phí phát sinh liên quan tới việc sử dụng chức năng từ chối của người nhận.

1. **Đăng ký, cấp, gia hạn, thu hồi mã số quản lý dịch vụ gửi thư điện tử quảng cáo**

1. Đăng ký mã số quản lý

a) Tổ chức cung cấp dịch vụ quảng cáo qua thư điện tử phải có mã số quản lý do Bộ Thông tin và Truyền thông cấp;

b) Hồ sơ đăng ký phải thể hiện đầy đủ các thông tin về tổ chức cung cấp dịch vụ quảng cáo bằng thư điện tử, thông tin kỹ thuật phù hợp với yêu cầu về điều kiện quy định tại Điều 33 Nghị định này. Bản khai đăng ký mã số quản lý theo mẫu số 01 phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

c) Mã số quản lý có thời hạn là 03 (ba) năm kể từ ngày cấp;

d) Mẫu giấy chứng nhận mã số quản lý dịch vụ quảng cáo bằng thư điện tử được quy định tại mẫu số 03 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định định này.

2. Gia hạn mã số quản lý

a) Chậm nhất là 30 ngày trước khi mã số quản lý hết hiệu lực, tổ chức phải gửi bản khai gia hạn mã số quản lý theo mẫu số 01 phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này về Bộ Thông tin và Truyền thông;

b) Thời gian gia hạn mã số quản lý tối đa là 03 (ba) năm.

3. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Bộ Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm cấp đăng ký; trường hợp từ chối, Bộ Thông tin và Truyền thông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

4. Tổ chức đăng ký phải nộp phí, lệ phí đăng ký.

5. Thu hồi mã số quản lý trong các trường hợp sau:

a) Mã số quản lý hết thời hạn mà không được gia hạn;

b) Tổ chức có đề nghị thu hồi mã số quản lý bằng văn bản;

c) Tổ chức bị giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, giấy chứng nhận đầu tư hoặc bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền ra quyết định chấm dứt hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực quảng cáo;

d) Tổ chức bị xử phạt vi phạm hành chính có áp dụng biện pháp thu hồi mã số quản lý.

6. Việc thu hồi mã số quản lý được Bộ Thông tin và Truyền thông thông báo bằng văn bản và đăng tải trên trang thông tin điện tử mic.gov.vn.

7. Kể từ ngày mã số quản lý bị thu hồi, tổ chức phải chấm dứt việc sử dụng mã số quản lý đó.

1. **Nhà cung cấp dịch vụ quảng cáo bằng thư điện tử**

1. Nhà cung cấp dịch vụ quảng cáo bằng thư điện tử phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Có trang thông tin điện tử cùng máy chủ dịch vụ gửi thư điện tử quảng cáo đặt tại Việt Nam và sử dụng tên miền quốc gia Việt Nam ".vn";

b) Có hệ thống tiếp nhận, xử lý yêu cầu từ chối của người nhận tuân theo quy định tại Điều 30 Nghị định này;

c) Đã được Bộ Thông tin và Truyền thông cấp mã số quản lý.

2. Khi thay đổi hệ thống gửi thư điện tử quảng cáo phải thông báo trước với Bộ Thông tin và Truyền thông.

3. Lưu lại thông tin về yêu cầu từ chối, thông tin xác nhận yêu cầu từ chối và thông tin đăng ký nhận thư điện tử quảng cáo trong thời gian tối thiểu là 60 ngày.

4. Lưu lại thư điện tử quảng cáo trong thời gian tối thiểu là 60 ngày.

5. Báo cáo, thống kê định kỳ theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

6. Phối hợp với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền để thực hiện các biện pháp nghiệp vụ khác theo quy định của pháp luật.

1. **Hệ thống kỹ thuật của nhà cung cấp dịch vụ quảng cáo bằng thư điện tử**

Hệ thống kỹ thuật của nhà cung cấp dịch vụ quảng cáo bằng thư điện tử có đầy đủ các chức năng:

1. Tự động nhập danh sách địa chỉ nhận thư điện tử quảng cáo và kiểm tra việc đăng ký nhận thư điện tử quảng cáo của người dùng trong danh sách.

2. Tự động định dạng, gắn nhãn, thông tin nhà cung cấp dịch vụ quảng cáo, người quảng cáo, hướng dẫn từ chối vào thư điện tử quảng cáo.

3. Có đầy đủ hình thức từ chối nhận thư điện tử quảng cáo (website, thư điện tử, điện thoại).

4. Cho phép người dùng tra cứu trạng thái đăng ký nhận quảng cáo qua thư điện tử.

5. Ngừng gửi quảng cáo sau khi người dùng từ chối nhận thư điện tử quảng cáo và gửi thông tin xác nhận đầy đủ khi người dùng từ chối nhận thư điện tử quảng cáo.

6. Thống kê số liệu về việc gửi thư điện tử quảng cáo, việc đăng ký, từ chối nhận thư điện tử quảng cáo.

7. Lưu trữ và tra cứu lịch sử các thư điện tử gửi và nhận trong thời hạn lưu trữ theo quy định. Thời hạn lưu trữ đối với thông tin đăng ký nhận quảng cáo, thông tin yêu cầu từ chối và thông tin xác nhận yêu cầu từ chối là vĩnh viễn; thời hạn lưu trữ đối với thư điện tử quảng cáo tối thiểu là 60 ngày.

8. Cài đặt phầm mềm bảo vệ, cấu hình máy chủ dịch vụ đảm bảo an toàn, không bị lạm dụng phát tán thư điện tử rác.

## **Mục 4: Gọi điện quảng cáo**

1. **Nguyên tắc đối với cuộc gọi quảng cáo**
2. Mọi cuộc gọi quảng cáo đều phải có đầy đủ thông tin về người thực hiện cuộc gọi quảng cáo (gồm tên, địa chỉ) và được giới thiệu đầu tiên trước khi cung cấp nội dung quảng cáo. Trong trường hợp quảng cáo cho các dịch vụ viễn thông có thu cước thì phải cung cấp đầy đủ thông tin về giá cước.
3. Có thông tin hướng dẫn người nhận từ chối nhận cuộc gọi quảng cáo.
4. Không được phép thu cước cuộc gọi quảng cáo của người nhận.
5. Chỉ được phép thực hiện cuộc gọi quảng cáo trong thời gian từ 9h tới 20h trong ngày.
6. Không được phép thực hiện quá 01 cuộc gọi quảng cáo tới 01 số điện thoại trong vòng 24 giờ.
7. **Đăng ký cung cấp dịch vụ gọi điện quảng cáo**

1. Tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ gọi điện quảng cáo phải đăng ký với Bộ Thông tin và Truyền thông.

2. Hồ sơ đăng ký phải thể hiện đầy đủ các thông tin về tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ gọi điện quảng cáo, thông tin kỹ thuật phù hợp với yêu cầu về điều kiện quy định tại Điều 36 Nghị định này. Đơn đăng ký theo mẫu số 04 phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

3. Tổ chức, cá nhân đăng ký phải nộp phí, lệ phí đăng ký.

4. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Bộ Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm cấp giấy chứng nhận cung cấp dịch vụ gọi điện quảng cáo theo mẫu số 05 phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này; trường hợp từ chối, Bộ Thông tin và Truyền thông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

1. **Nhà cung cấp dịch vụ gọi điện quảng cáo**

1. Nhà cung cấp dịch vụ gọi điện quảng cáo phải đáp ứng các yêu cầu:

a) Hệ thống kỹ thuật cung cấp dịch vụ gọi điện quảng cáo tại Việt Nam và đã cung cấp thông tin cho Bộ Thông tin và Truyền thông;

b) Đã đăng ký cung cấp dịch vụ gọi điện quảng cáo với Bộ Thông tin và Truyền thông.

2. Khi thay đổi hệ thống gửi thư điện tử quảng cáo phải thông báo trước với Bộ Thông tin và Truyền thông.

3. Lưu lại các cuộc gọi quảng cáo trong tối thiểu 60 ngày.

4. Báo cáo, thống kê định kỳ theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

5. Phối hợp với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền để thực hiện các biện pháp nghiệp vụ khác theo quy định của pháp luật.

1. **Trách nhiệm của doanh nghiệp viễn thông di động**

1. Cung cấp địa chỉ điện tử cho hoạt động gọi điện quảng cáo theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông.

2. Chậm nhất trong vòng 30 ngày, phải cho phép doanh nghiệp đã đăng ký với Bộ Thông tin và Truyền thông được cấp mã số quản lý kết nối kỹ thuật với hệ thống của mình để cung cấp dịch vụ gọi điện quảng cáo.

3. Triển khai các hệ thống kỹ thuật ngăn chặn các cuộc gọi quảng cáo trái phép.

## **Mục 5: Hệ thống quản lý tên định danh**

1. **Quy định về việc sử dụng tên định danh**
   * + 1. Mọi tổ chức, cá nhân đều có quyền đăng ký và sử dụng tên định danh với số lượng không giới hạn cho mục đích quảng cáo bằng tin nhắn và cung cấp dịch vụ nội dung qua tin nhắn.
       2. Tên định danh được cấp cho một tổ chức, cá nhân là duy nhất trong hệ thống tên định danh do Bộ Thông tin và Truyền thông cấp và có thời hạn sử dụng là 03 (ba) năm kể từ ngày được cấp.
       3. Việc đăng ký và sử dụng tên định danh được thực hiện theo các nguyên tắc sau: Bình đẳng, không phân biệt đối xử; Đăng ký trước được quyền sử dụng trước; Thể hiện tính nghiêm túc để tránh gây sự hiểu nhầm hoặc xuyên tạc do tính đa âm, đa nghĩa hoặc khi không dùng dấu trong tiếng Việt; Không trùng với tên của tổ chức Đảng, cơ quan nhà nước.
       4. Tổ chức, cá nhân đăng ký sử dụng tên định danh phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về mục đích sử dụng, tính chính xác của thông tin đăng ký và tính xác thực của các tài liệu, thông tin trong hồ sơ đăng ký trực tuyến.
       5. Tổ chức, cá nhân không được sử dụng các tên định danh không phải do Bộ Thông tin và Truyền thông cấp hoặc đã được Bộ Thông tin và Truyền thông cấp cho tổ chức, cá nhân khác (trừ trường hợp được tổ chức, cá nhân sở hữu tên định danh cho phép), không được xâm phạm các quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, doanh nghiệp đã đăng ký tên định danh.
       6. Tổ chức, cá nhân đăng ký phải nộp phí, lệ phí khai báo, sử dụng, duy trì tên định danh theo quy định của Bộ Tài chính.
2. **Hồ sơ đăng ký cấp tên định danh**

Hồ sơ đăng ký cấp tên định danh bao gồm:

1. Đối với tổ chức

a) Bản sao có chứng thực Quyết định thành lập của tổ chức hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Trong trường hợp tổ chức, doanh nghiệp đăng ký nhiều tên định danh cùng một lần thì chỉ cần cung cấp 01 giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp được chứng thực;

b) Bản khai đăng ký tên định danh theo mẫu số 06 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

2. Đối với cá nhân

a) Bản sao công chứng chứng minh hoặc thẻ căn cước hoặc hộ chiếu;

b) Bản khai đăng ký tên định danh theo mẫu số 06 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

1. **Phương thức nộp hồ sơ đăng ký cấp tên định danh**
2. Việc nộp hồ sơ đăng ký cấp tên định danh được thực hiện thông qua một trong các phương thức sau:
3. Nộp hồ sơ giấy trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính về Bộ Thông tin và Truyền thông;
4. Nộp hồ sơ ủy quyền thông qua các nhà cung cấp dịch vụ quảng cáo bằng tin nhắn hoặc các tổ chức, doanh nghiệp hợp pháp khác;
5. Nộp hồ sơ trực tuyến tại website hệ thống quản lý tên định danh tendinhdanh.vncert.gov.vn theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông.

2. Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn cụ thể các bước nộp hồ sơ trực tuyến trên website hệ thống quản lý tên định danh sau khi hệ thống được đưa vào sử dụng.

1. **Quy trình đăng ký, thông báo kết quả và giao nhận giấy chứng nhận tên định danh**

1. Để đảm bảo việc đăng ký tên định danh không bị trùng lặp, tổ chức, cá nhân kiểm tra danh sách tên định danh đã được cấp bằng cách:

a) Tra cứu trên website hệ thống quản lý tên định danh của Bộ Thông tin và Truyền thông;

b) Gửi thư điện tử tới địa chỉ [tendinhdanh@mic.gov.vn](mailto:tendinhdanh@vncert.vn).

2. Tổ chức, cá nhân thực hiện nộp hồ sơ đăng ký cấp tên định danh theo quy định tại Điều 39 Nghị định này.

3. Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đăng ký cấp tên định danh theo một trong các phương thức quy định tại Điều 40 Nghị định này.

4. Bộ Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm xác nhận bằng cách gửi thông báo bằng thư điện tử hoặc tin nhắn về việc đã nhận hồ sơ:

1. Đối với hồ sơ nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính, ngày nhận hồ sơ là ngày Bộ Thông tin và Truyền thông nhận được hồ sơ từ tổ chức, doanh nghiệp hoặc dịch vụ bưu chính;
2. Đối với nộp hồ sơ bằng đăng ký trực tuyến, ngày nộp hồ sơ được ghi nhận trên hệ thống quản lý tên định danh.

5. Kết quả cấp tên định danh được Bộ Thông tin và Truyền thông gửi thông báo bằng văn bản hoặc đăng tải trên website hệ thống quản lý tên định danh trong vòng 01 (một) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

6. Thông tin liên quan tới tên định danh được thể hiện trên giấy chứng nhận tên định danh. Mẫu giấy chứng nhận tên định danh được quy định theo mẫu số 07 phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

7. Việc giao nhận giấy chứng nhận tên định danh được thực hiện thông qua một trong các phương thức sau:

a) Giao nhận trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính;

b) Cung cấp bản điện tử trên website hệ thống quản lý tên định danh hoặc gửi qua thư điện tử.

1. **Sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận tên định danh**

1. Trong trường hợp có sự thay đổi một trong những thông tin liên quan tới tên định danh đã được cấp, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm cập nhật và gửi lại bản khai đăng ký tên định danh với các thông tin cập nhật theo Mẫu số 06 tại Phụ lục Nghị định này và các tài liệu có liên quan về sự thay đổi về Bộ Thông tin và Truyền thông.

2. Việc sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận tên định danh được thực hiện theo phương thức quy định tại Điều 40 Nghị định này.

3. Trong thời hạn 01 (một) ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo đầy đủ, chính xác của tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 2 Điều này, Bộ Thông tin và Truyền thông xem xét, xác nhận thông tin sửa đổi, bổ sung và phản hồi lại cho tổ chức, cá nhân qua tài khoản truy cập hệ thống đã được cấp.

1. **Cấp lại giấy chứng nhận tên định danh**

1. Trong trường hợp giấy chứng nhận tên định danh bị mất, bị rách, bị cháy hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác, tổ chức, cá nhân thực hiện gửi bản khai tên định danh với các thông tin cập nhật theo mẫu số 06 phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này đến Bộ Thông tin và Truyền thông.

2. Việc cấp lại giấy chứng nhận tên định danh được thực hiện theo phương thức quy định tại Điều 40 Nghị định này.

3. Trong thời hạn 01 (một) ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo đề nghị cấp lại giấy chứng nhận tên định danh hợp lệ, Bộ Thông tin và Truyền thông tiến hành xem xét và cấp lại giấy chứng nhận tên định danh cho tổ chức, cá nhân.

1. **Gia hạn giấy chứng nhận tên định danh**
2. Trước thời hạn hết hạn 15 (mười lăm) ngày, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm gửi yêu cầu gia hạn tên định danh.
3. Hồ sơ gia hạn giấy chứng nhận tên định danh gồm bản khai cập nhật, đơn gia hạn tên định danh và các tài liệu có liên quan.
4. Việc gia hạn giấy chứng nhận tên định danh được thực hiện theo phương thức quy định tại Điều 40 Nghị định này.
5. Trong thời hạn 01 (một) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị gia hạn giấy chứng nhận tên định danh hợp lệ, Bộ Thông tin và Truyền thông xem xét, gia hạn giấy chứng nhận tên định danh. Trường hợp đề nghị gia hạn giấy chứng nhận tên định danh không phù hợp, Bộ Thông tin và Truyền thông thông báo rõ lý do.
6. Thời gian gia hạn tên định danh tối đa là 03 (ba) năm.
7. **Thu hồi tên định danh**

1. Việc thu hồi tên định danh thực hiện trong các trường hợp sau: Sử dụng tên định danh để gửi tin nhắn rác hoặc cung cấp các dịch vụ vi phạm các quy định của pháp luật; Không nộp phí sử dụng tên định danh; Theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Bộ Thông tin và Truyền thông có văn bản thông báo việc thu hồi tên định danh và công bố công khai trên website mic.gov.vn.

1. **Hệ thống quản lý tên định danh**
2. Là hệ thống có chức năng quản lý, duy trì, tra cứu, kết nối tên định danh với hệ thống của các doanh nghiệp viễn thông di động và các doanh nghiệp khác có liên quan.
3. Mọi tổ chức, cá nhân có thể thực hiện tra cứu thông tin về tên định danh qua hệ thống quản lý tên định danh.
4. Các doanh nghiệp viễn thông di động có trách nhiệm kết nối hệ thống gửi tin nhắn quảng cáo, hệ thống liên quan tới tên định danh của mình tới hệ thống quản lý tên định danh để đảm bảo việc gửi tin nhắn đồng bộ, thống nhất.
5. Bộ Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm duy trì hoạt động hệ thống có chức năng quản lý, duy trì, tra cứu, kết nối tên định danh.

## **Mục 6. Chế độ báo cáo thống kê**

1. **Chế độ báo cáo thống kê**

1. Nhà cung cấp dịch vụ quảng cáo bằng tin nhắn báo cáo, thống kê định kỳ 06 tháng hoặc đột xuất theo mẫu số 09 tại phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

2. Nhà cung cấp dịch vụ quảng cáo bằng thư điện tử thực hiện báo cáo, thống kê định kỳ 06 tháng hoặc đột xuất theo mẫu số 10 tại phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

3. Nhà cung cấp dịch vụ quảng cáo bằng cuộc gọi thực hiện báo cáo, thống kê định kỳ 06 tháng hoặc đột xuất theo mẫu số 11 tại phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

4. Tổ chức, cá nhân được cấp tên định danh có trách nhiệm báo cáo định kỳ 06 tháng hoặc đột xuất theo mẫu số 12 tại phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

5. Doanh nghiệp viễn thông di động được cấp tên định danh có trách nhiệm báo cáo định kỳ 06 tháng hoặc đột xuất theo mẫu số 13 tại phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

6. Doanh nghiệp viễn thông di động cung cấp dịch vụ tin nhắn có trách nhiệm báo cáo định kỳ 06 tháng hoặc đột xuất theo mẫu số 14 tại phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

1. **Thời gian, hình thức báo cáo**

1. Báo cáo định kỳ 6 tháng, thực hiện trước ngày 30 tháng 06 và ngày 31 tháng 12 hàng năm; báo cáo đột xuất theo yêu cầu của Bộ Thông tin và Truyền thông (Trung tâm Ứng cứu khẩn cấp máy tính Việt Nam).

2. Hình thức báo cáo: gửi văn bản hoặc bản mềm có xác thực (gửi thư điện tử hoặc cập nhật vào hệ thống của Bộ Thông tin và Truyền thông (Trung tâm Ứng cứu khẩn cấp máy tính Việt Nam));

3. Cơ quan tiếp nhận báo cáo: Bộ Thông tin và Truyền thông (Trung tâm Ứng cứu khẩn cấp máy tính Việt Nam). Địa chỉ tầng 5 - Tòa nhà Cục Tần số Vô tuyến điện - 115 Trần Duy Hưng, Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội. Địa chỉ thư điện tử: [baocao@mic.gov.vn](mailto:baocao@mic.gov.vn).

4. Thông tin chi tiết về cách thức báo cáo được đăng tải trên thông tin điện tử của Bộ Thông tin và Truyền thông <http://www.mic.gov.vn>

# **Chương 4**

# **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

1. **Quy định chuyển tiếp**

Đối với tổ chức, cá nhân đã sử dụng tên định danh để quảng cáo hoặc cung cấp dịch vụ nội dung trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì không phải thực hiện các trình tự, thủ tục để xin cấp tên định danh.

1. **Hiệu lực thi hành**

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày … tháng …. năm ….

2. Bãi bỏ Nghị định số 90/2008/NĐ-CP ngày 13 tháng 08 năm 2008 của Chính phủ về chống thư rác, Nghị định 77/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 90/2008/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2008 của Chính phủ về chống thư rác.

1. **Tổ chức thực hiện**

Bộ Thông tin và Truyền thông trong phạm vi chức năng, quyền hạn của mình có trách nhiệm hướng dẫn thi hành Nghị định này.

1. **Trách nhiệm thi hành**

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

|  |  |
| --- | --- |
| **Nơi nhận:** - Ban Bí thư Trung ương Đảng; - Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ; - Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; - HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng; - Văn phòng Tổng Bí thư; - Văn phòng Chủ tịch nước; - Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội; - Văn phòng Quốc hội; - Tòa án nhân dân tối cao; - Viện kiểm sát nhân dân tối cao; - Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia; - Kiểm toán nhà nước; - Ngân hàng Chính sách xã hội; - Ngân hàng Phát triển Việt Nam; - Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; - Cơ quan trung ương của các đoàn thể; - VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Cục, Vụ, đơn vị trực thuộc, Công báo; - Lưu: VT, KGVX. | **THỦ TƯỚNG**  **Nguyễn Xuân Phúc** |

**Phụ lục**

*(Kèm theo Nghị định số /2019/NĐ-CP ngày tháng năm 2019 của Chính phủ)*

|  |  |
| --- | --- |
| Mẫu số 01 | Mẫu bản khai đăng ký, gia hạn mã số quản lý |
| Mẫu số 02 | Mẫu giấy chứng nhận mã số quản lý dịch vụ quảng cáo bằng tin nhắn |
| Mẫu số 03 | Mẫu giấy chứng nhận mã số quản lý dịch vụ quảng cáo bằng thư điện tử |
| Mẫu số 04 | Mẫu đơn đăng ký cung cấp dịch vụ gọi điện quảng cáo |
| Mẫu số 05 | Mẫu giấy chứng nhận cung cấp dịch vụ gọi điện quảng cáo |
| Mẫu số 06 | Bản khai tên định danh |
| Mẫu số 07 | Mẫu giấy chứng nhận tên định danh |
| Mẫu số 08 | Giấy ủy quyền |
| Mẫu số 09 | Mẫu báo cáo định kỳ đối với Nhà cung cấp dịch vụ quảng cáo bằng tin nhắn |
| Mẫu số 10 | Mẫu báo cáo định kỳ đối với Nhà cung cấp dịch vụ quảng cáo bằng thư điện tử |
| Mẫu số 11 | Mẫu báo cáo định kỳ đối với Nhà cung cấp dịch vụ quảng cáo bằng cuộc gọi |
| Mẫu số 12 | Mẫu báo cáo định kỳ đối với tổ chức/cá nhân được cấp tên định danh |
| Mẫu số 13 | Mẫu báo cáo định kỳ đối với doanh nghiệp viễn thông di động được cấp tên định danh |
| Mẫu số 14 | Mẫu báo cáo định kỳ về tin nhắn đối với doanh nghiệp viễn thông di động |

**Mẫu số 01**

**Mẫu bản khai đăng ký, gia hạn mã số quản lý**

*(Ban hành kèm theo Nghị định số /NĐ-CP ngày / /2019 của Chính phủ)*

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN DOANH NGHIỆP**  -------------- | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc ----------------------** |

**BẢN KHAI ĐĂNG KÝ, GIA HẠN MÃ SỐ QUẢN LÝ**

Tên doanh nghiệp: ……………………………………………………………….

Địa chỉ: ………………..………………………………………………………….

1. Đề nghị của doanh nghiệp

*(Đánh dấu vào ô  đối với mỗi đề nghị)*

  Cấp mới

Gia hạn

2. Mã số quản lý đã được cấp *(Đối với mã số quản lý cần gia hạn)*

∎ Mã số quản lý cung cấp dịch vụ quảng cáo bằng tin nhắn: ………;

Thời hạn: từ ngày …………. đến ngày ………….

∎ Mã số quản lý cung cấp dịch vụ quảng cáo bằng thư điện tử: ………;

Thời hạn: từ ngày …………. đến ngày ………….

3. Thông tin về doanh nghiệp

∎ Tên viết tắt doanh nghiệp: .................................................................................

∎ Giấy phép kinh doanh số: ..................................................................................

∎ Điện thoại: .........................................................................................................

∎ Fax: ....................................................................................................................

∎ Email: ................................................................................................................

∎ Website: .............................................................................................................

4. Loại hình dịch vụ doanh nghiệp cung cấp

*(Đánh dấu vào ô   đối với mỗi loại dịch vụ)*

Dịch vụ quảng cáo bằng tin nhắn

Dịch vụ quảng cáo bằng thư điện tử

5. Thông tin kỹ thuật

(Doanh nghiệp đăng ký, gia hạn mã số quản lý cho dịch vụ nào thì điền thông tin vào mục của dịch vụ đó)

a) Dịch vụ thư điện tử quảng cáo

∎ Tên miền của các máy chủ gửi thư quảng cáo (mail server): ...............................................................................................................................

∎ Địa chỉ IP của các máy chủ gửi thư quảng cáo: ................................................................................................................................

∎ Các địa chỉ thư điện tử dùng để gửi thư điện tử quảng cáo: .................................................................................................................................

∎ Địa chỉ URL hệ thống từ chối: ..........................................................................

∎ Địa chỉ email từ chối: .......................................................................................

∎ Số điện thoại từ chối: ........................................................................................

b) Dịch vụ tin nhắn quảng cáo

∎ Các nguồn gửi tin nhắn quảng cáo: ...................................................................

∎ Số thuê bao nhận tin nhắn từ chối: ....................................................................

∎ Số điện thoại từ chối: .........................................................................................

6. Đầu mối liên hệ chống thư rác

∎ Họ và tên: ..........................................................................................................

∎ Chức vụ: ............................................................................................................

∎ Địa chỉ liên hệ: ..................................................................................................

∎ Số điện thoại/Fax: .............................................................................................

∎ Email: ................................................................................................................

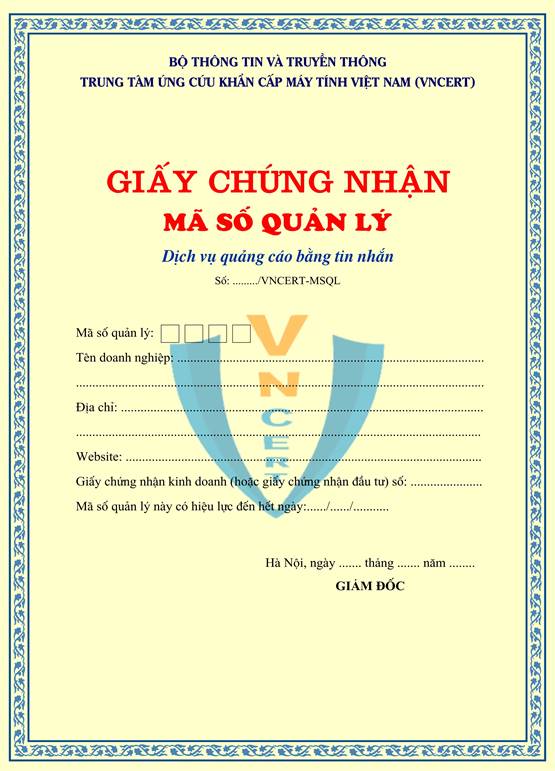
Tổ chức đăng ký cam kết tuân thủ các quy định của pháp luật về chống thư rác.

|  |  |
| --- | --- |
|  | ......., ngày ....... tháng ....... năm ....... **Xác nhận của chủ thể đăng ký** (Ký tên, đóng dấu) |

**Mẫu số 02**

**Mẫu giấy chứng nhận mã số quản lý dịch vụ quảng cáo bằng tin nhắn**

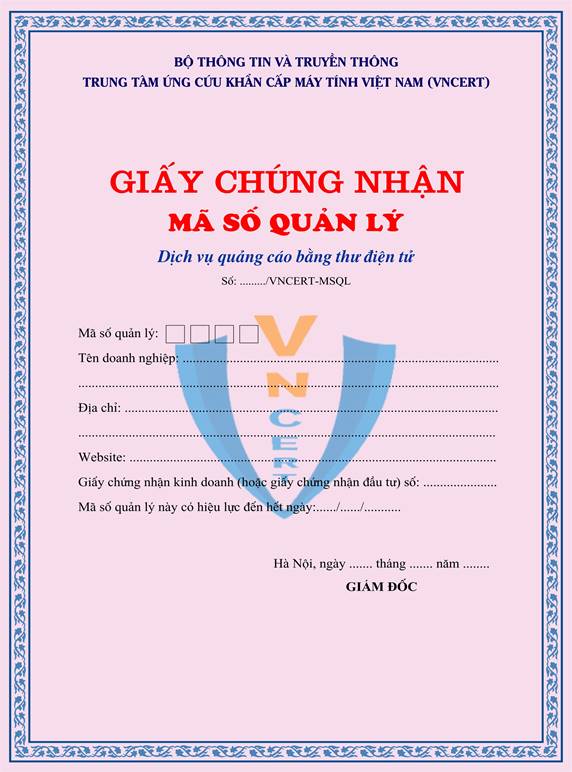
*(Ban hành kèm theo Nghị định số /NĐ-CP ngày / /2019 của Chính phủ)*



**Mẫu số 03**

**Mẫu giấy chứng nhận mã số quản lý dịch vụ quảng cáo bằng thư điện tử**

*(Ban hành kèm theo Nghị định số /NĐ-CP ngày / /2019 của Chính phủ)*



**Mẫu số 04**

**Mẫu đơn đăng ký cung cấp dịch vụ gọi điện quảng cáo**

*(Ban hành kèm theo Nghị định số /NĐ-CP ngày / /2019 của Chính phủ)*

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN TỔ CHỨC**  **CÁ NHÂN   -------**  Số: ............ | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc --------------**  *………, ngày … tháng … năm ………* |

**ĐƠN ĐĂNG KÝ CUNG CẤP DỊCH VỤ GỌI ĐIỆN QUẢNG CÁO**

**Kính gửi: Trung tâm Ứng cứu khẩn cấp máy tính Việt Nam - Bộ Thông tin và Truyền thông**

1. Tên tổ chức/cá nhân đăng ký:

2. Địa chỉ:

3. Số giấy phép hoạt động/số cmt, thẻ căn cước, hộ chiếu:

4. Tên, số điện thoại của người hoặc bộ phận chịu trách nhiệm đăng ký hồ sơ:

5. Số thuê bao đăng ký cung cấp dịch vụ gọi điện quảng cáo:

6. Tài liệu gửi kèm hồ sơ (nếu có):

-

-

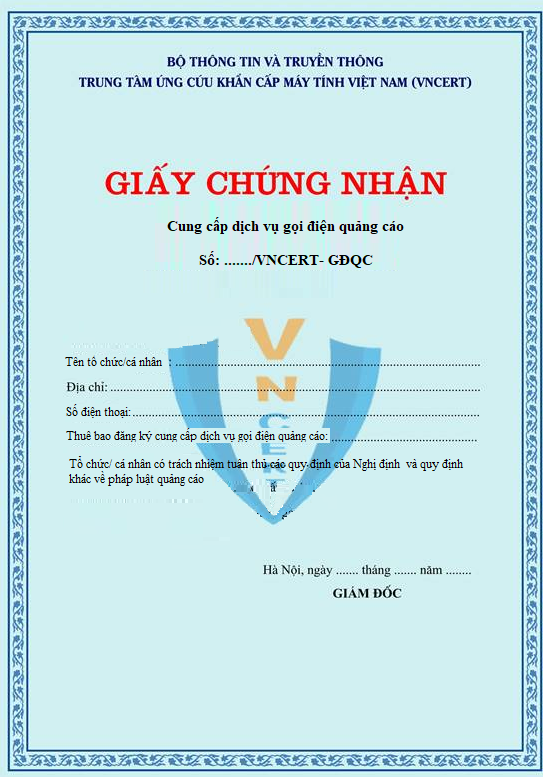
7. Cam kết của đơn vị quảng cáo:

Chúng tôi đã nghiên cứu kỹ Nghị định số …/2019/NĐ-CP ngày …/…/2019 của Chính phủ về chống tin nhắn rác, thư điện tử rác, cuộc gọi rác và quy định về quảng cáo qua gửi tin nhắn, thư điện tử và gọi điện và cam kết sẽ tuân thủ các quy định của Nghị định trên và các quy định khác của pháp luật về quảng cáo.

|  |  |
| --- | --- |
|  | ……….., ngày tháng năm |
|  | **Xác nhận của tổ chức, cá nhân đăng ký dịch vụ gọi điện quảng cáo**  *(Ký tên, đóng dấu)* |

**Mẫu số 05**

**Mẫu giấy chứng nhận cung cấp dịch vụ gọi điện quảng cáo**

*(Ban hành kèm theo Nghị định số /NĐ-CP ngày / /2019 của Chính phủ)*****

**Mẫu số 06**

**Mẫu bản khai tên định danh**

*(Ban hành kèm theo Nghị định số /NĐ-CP ngày / /2019 của Chính phủ)*

**BẢN KHAI ………………. (1) TÊN ĐỊNH DANH**

Căn cứ Nghị định số /2019/NĐ-CP ngày tháng năm 2019 của Chính phủ quy định về chống tin nhắn rác, thư điện tử rác, cuộc gọi rác và quy định về quảng cáo qua gửi tin nhắn, thư điện tử và gọi điện;

…… (2) đề nghị được …… (1) tên định danh với các nội dung sau:

**Phần 1: Thông tin chung**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **1. Tên định danh đăng ký** | | **□□□□□□□□□□□** | |
| **2. Sản phẩm/ dịch vụ dự kiến sử dụng tên định danh (đề nghị cung cấp tài liệu về sản phẩm, dịch vụ, … kèm theo)** | | |  |
| **3. Lĩnh vực hoạt động** (xem danh sách tại website) | | |  |
| **4. Dự kiến sử dụng tên định danh trên các mạng** | **Viettel □ MobiFone □ Vinaphone □ Vietnamobile □ Gtel □** | | |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **5. Tổ chức, doanh nghiệp đăng ký** |  | **6. Người quản lý tên định danh** (phải là cá nhân) |
| |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | 5.1. Tên tổ chức \* | |  | | | 5.2. Giấy ĐKKD | | |  | | 5.3. Địa chỉ \* |  | | |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | 5.4. Điện thoại\*   |  | | --- | |  | | 5.5. Fax   |  | | --- | |  | | 5.6. Email \*   |  | | --- | |  | | |  |  |  | |  | |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | 6.1. Họ và tên \* | |  | | | | 6.2. CMND/Hộ chiếu   |  | | --- | |  | | | | 6.3. Ngày tháng năm sinh   |  | | --- | |  | | 6.4. Giới tính\*/Chức vụ   |  | | --- | |  | | | 6.5. Địa chỉ \* |  | | | |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | 6.6. Điện thoại \*   |  | | --- | |  | | 6.7. Fax   |  | | --- | |  | | 6.8. Email \*   |  | | --- | |  | | |

|  |
| --- |
| **7. Người đại diện làm thủ tục đăng ký tên định danh** (phải là cá nhân). (3) |
| |  |  | | --- | --- | | 7.1. Họ và tên \* |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | 7.2. CMND/Hộ chiếu   |  | | --- | |  | | | 7.3. Ngày tháng năm sinh   |  | | --- | |  | | 7.4. Giới tính\*/Chức vụ   |  | | --- | |  | | | 7.5. Địa chỉ \* |  | | |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | 7.6. Điện thoại \*   |  | | --- | |  | | 7.7. Fax   |  | | --- | |  | | 7.8. Email \*   |  | | --- | |  | | |

**Phần 2. Tài liệu kèm theo**

1.....................................................................................................................

2.....................................................................................................................

**Phần 3. Cam kết**

…… (2) xin cam kết:

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của nội dung trong đơn đề nghị …… (1) tên định danh và các tài liệu kèm theo.

2. Tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về mục đích sử dụng và tính chính xác của các thông tin cung cấp, đảm bảo việc đăng ký và sử dụng tên định danh đúng quy định và không vi phạm quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức khác.

3. Cập nhật kịp thời thông tin liên quan tới tên định danh mỗi khi có thay đổi.

4. Nếu được …… (1) tên định danh, …… (2) sẽ chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam về sử dụng tên định danh, quảng cáo qua tin nhắn, cung cấp dịch vụ nội dung qua tin nhắn, chống thư rác và các quy định khác có liên quan./.

|  |
| --- |
| ……….., ngày tháng năm |
| **Xác nhận của tổ chức, doanh nghiệp đăng ký tên định danh**  *(Ký tên, đóng dấu)* |

**\*Ghi chú:**

*(1): Cấp/thay đổi nội dung/gia hạn.*

*(2): Tên tổ chức/doanh nghiệp.*

*(3): Trong trường hợp tổ chức, doanh nghiệp ủy quyền cho đơn vị khác đăng ký, hai bên làm Giấy Ủy quyền theo mẫu 08.*

**Mẫu số 07**

**Mẫu giấy chứng nhận tên định danh**

*(Ban hành kèm theo Nghị định số /NĐ-CP ngày / /2019 của Chính phủ)*

****

**Mẫu số 08**

**Mẫu giấy ủy quyền**

*(Ban hành kèm theo Nghị định số /NĐ-CP ngày / /2019 của Chính phủ)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

----------------- o0o -----------------

**GIẤY ỦY QUYỀN**

* *Căn cứ Bộ luật Dân sự nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.*
* *Căn cứ vào các văn bản hiến pháp hiện hành.*

*…….., ngày ...... tháng ...... năm 20....... chúng tôi gồm có:*

**1. Bên Ủy quyền:**

* Họ tên: ……………………………………………………………………...
* Địa chỉ: ……………………………………………………………………..
* Số CMND: cấp ngày: nơi cấp: ………….
* Quốc tịch: ………………………………………………………………….

- Là đại diện cho Công ty………, địa chỉ tại……………………………., giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số………………………………………….

**2. Bên được Ủy quyền:**

* Họ tên:
* Địa chỉ
* Số CMND: …………… cấp ngày: ……………….. nơi cấp: …………….
* Quốc tịch: …………………………………………………………………..

- Là đại diện cho Công ty……………………..……………………………, địa chỉ tại…………………………………………………………………….., giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số………………………………………….

**3. Nội dung ủy quyền:**

Thực hiện các thủ tục đăng ký tên định danh với Bộ Thông tin và Truyền thông (Trung tâm Ứng cứu khẩn cấp máy tính Việt Nam).

**4. Thời hạn ủy quyền:**

Từ ngày ……tháng………. năm………đến ngày.....tháng ………năm……

**5. Cam kết**

* Hai bên cam kết sẽ hoàn toàn chịu trách nhiệm trước Pháp luật về mọi thông tin ủy quyền ở trên.
* Mọi tranh chấp phát sinh giữa bên ủy quyền và bên được ủy quyền sẽ do hai bên tự giải quyết.

*Giấy ủy quyền trên được lập thành .......... bản, mỗi bên giữ ......... bản.*

|  |  |
| --- | --- |
| **BÊN ỦY QUYỀN**  *(Ký, họ tên)* | **BÊN ĐƯỢC ỦY QUYỀN**  *(Ký, họ tên)* |

**Mẫu số 09**

**Mẫu báo cáo định kỳ của nhà cung cấp dịch vụ quảng cáo bằng tin nhắn**

*(Ban hành kèm theo Nghị định số /NĐ-CP ngày / /2019 của Chính phủ)*

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN TỔ CHỨC**  Số: ……………… | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**  *……, ngày ……tháng ……năm ……* |

**BÁO CÁO ĐỊNH KỲ**

**CỦA NHÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ QUẢNG CÁO BẰNG TIN NHẮN**

(Từ ngày ….. tháng …. năm 20..…đến ngày ….. tháng …. năm 20..…)

Kính gửi: **Trung tâm Ứng cứu khẩn cấp máy tính Việt Nam**

Tên doanh nghiệp: ……………………………………………………………….

Địa chỉ liên lạc: …………………………………………………………………..

Mã số quản lý………..Cấp ngày ………………. có hiệu lực đến ngày……………………………………………………………………………….

**1. Tổng doanh thu và mức độ tăng trưởng từ dịch vụ quảng cáo bằng tin nhắn trong kỳ báo cáo:**

- Tổng doanh thu trong kỳ báo cáo: ………………………………………

- Mức độ tăng trưởng so với kỳ báo cáo trước ……………………………

**2. Thống kê khách hàng đang sử dụng dịch vụ quảng cáo bằng tin nhắn trong kỳ báo cáo:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| STT | Tên khách hàng | Số thông điệp quảng cáo (1) | Số tin nhắn quảng cáo gửi đi |
|
|  |  |  |  |

*(1) Thông điệp quảng cáo là một bản tin (mẫu) quảng cáo*

**3. Tổng hợp thống kê về dịch vụ quảng cáo bằng tin nhắn trong kỳ báo cáo:**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Khách hàng | | Thông điệp quảng cáo (2) | | Tin nhắn quảng cáo | |
| Tổng số | Tăng/giảm | Tổng số | Tăng/giảm | Tổng số | Tăng/giảm |
|  |  |  |  |  |  |

*Chú thích: Các cột* ***Tăng/giảm*** *thể hiện % mức độ tăng/giảm so với kỳ báo cáo trước. Dấu (+) thể hiện tăng, dấu (-) thể hiện giảm;(2) Thông điệp quảng cáo là một bản tin (mẫu) quảng cáo*

**4. Thống kê về yêu cầu từ chối và xử lý yêu cầu từ chối trong kỳ báo cáo:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phương thức tiếp nhận**  **Số lượng** | Bằng tin nhắn (2) | Gọi điện thoại  (3) | Tổng số  (2)+(3) |
| Yêu cầu từ chối |  |  |  |
| Xác nhận yêu cầu từ chối |  |  |  |
| Yêu cầu từ chối đã được xử lý |  |  |  |
| Yêu cầu từ chối không xử lý được do bất khả kháng |  |  |  |

Liệt kê các lý do bất khả kháng không thể xử lý được yêu cầu từ chối của người nhận ………………………………………………………………………………

**5. Kiến nghị: …………………………………………………………………….**

**................................................................................................................................**

**……………………………………………………………………………………**

|  |  |
| --- | --- |
|  | **Đại diện có thẩm quyền của doanh nghiệp**  *Chữ ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu* |

**Mẫu số 10**

**Mẫu báo cáo định kỳ của nhà cung cấp dịch vụ quảng cáo bằng thư điện tử**

*(Ban hành kèm theo Nghị định số /NĐ-CP ngày / /2019 của Chính phủ)*

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN TỔ CHỨC**  Số: ……………… | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**  *……, ngày ……tháng ……năm ……* |

**BÁO CÁO ĐỊNH KỲ**

**CỦA NHÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ QUẢNG CÁO BẰNG THƯ ĐIỆN TỬ**

(Từ ngày ….. tháng …. năm 20..…đến ngày ….. tháng …. năm 20..…)

Kính gửi: **Trung tâm Ứng cứu khẩn cấp máy tính Việt Nam**

Tên doanh nghiệp: ………………………………………………………………

Địa chỉ liên lạc: …………………………………………………………………

Mã số quản lý……….. Cấp ngày ………………. có hiệu lực đến ngày……………………………………………………………………………….

**1. Tổng doanh thu và mức độ tăng trưởng từ dịch vụ quảng cáo bằng thư điện tử trong kỳ báo cáo:**

- Tổng doanh thu trong kỳ báo cáo: ……………………………………….

- Mức độ tăng trưởng so với kỳ báo cáo trước …………………………….

**2. Thống kê khách hàng đang sử dụng dịch vụ quảng cáo bằng thư điện tử trong kỳ báo cáo:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| STT | Tên khách hàng | Số thông điệp quảng cáo (1) | Số thư điện tử quảng cáo gửi đi |
|
|  |  |  |  |

1. *Thông điệp quảng cáo là một bản tin (mẫu) quảng cáo*

**3. Tổng hợp thống kê về dịch vụ quảng cáo bằng thư điện tử trong kỳ báo cáo:**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Khách hàng | | Thông điệp quảng cáo (2) | | Thư điện tử quảng cáo | |
| Tổng số | Tăng/giảm | Tổng số | Tăng/giảm | Tổng số | Tăng/giảm |
|  |  |  |  |  |  |

*Chú thích: Các cột* ***Tăng/giảm*** *thể hiện % mức độ tăng/giảm so với kỳ báo cáo trước. Dấu (+) thể hiện tăng, dấu (-) thể hiện giảm;(2) Thông điệp quảng cáo là một bản tin (mẫu) quảng cáo*

**4. Thống kê về yêu cầu từ chối và xử lý yêu cầu từ chối trong kỳ báo cáo:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Phương thức tiếp nhận**  **Số lượng** | Qua trang web (2) | Bằng thư điện tử (3) | Gọi điện thoại (4) | Tổng số  (2)+(3)+(4) |
| Yêu cầu từ chối |  |  |  |  |
| Xác nhận yêu cầu từ chối |  |  |  |  |
| Yêu cầu từ chối đã được xử lý |  |  |  |  |
| Yêu cầu từ chối không xử lý được do bất khả kháng |  |  |  |  |

Liệt kê các lý do bất khả kháng không thể xử lý được yêu cầu từ chối của người nhận: ……………………………………………………………………………

**5. Kiến nghị: …………………………………………………………………….**

**……………………..…………………….……………………………………….**

**……………………………………………………………………………………**

|  |  |
| --- | --- |
|  | **Đại diện có thẩm quyền của doanh nghiệp**  *Chữ ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu* |

**Mẫu số 11**

**Mẫu báo cáo định kỳ đối với Nhà cung cấp dịch vụ quảng cáo bằng cuộc gọi**

*(Ban hành kèm theo Nghị định số /NĐ-CP ngày / /2019 của Chính phủ)*

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN TỔ CHỨC**  Số: ……………… | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**  *……, ngày ……tháng ……năm ……* |

**BÁO CÁO ĐỊNH KỲ**

**CỦA NHÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ QUẢNG CÁO BẰNG CUỘC GỌI**

(Từ ngày ….. tháng …. năm 20..…đến ngày ….. tháng …. năm 20..…)

Kính gửi: **Trung tâm Ứng cứu khẩn cấp máy tính Việt Nam**

Tên doanh nghiệp: ………………………………………………………………

Địa chỉ liên lạc: …………………………………………………………………

**1. Tổng doanh thu và mức độ tăng trưởng từ dịch vụ quảng cáo bằng cuộc gọi trong kỳ báo cáo:**

- Tổng doanh thu trong kỳ báo cáo: ……………………………………….

- Mức độ tăng trưởng so với kỳ báo cáo trước …………………………….

**2. Thống kê khách hàng đang sử dụng dịch vụ quảng cáo bằng cuộc gọi trong kỳ báo cáo:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| STT | Tên khách hàng | Nội dung gọi điện quảng cáo (1) | Số cuộc gọi đã thực hiện quảng cáo |
|
|  |  |  |  |

**3. Tổng hợp thống kê về dịch vụ quảng cáo bằng cuộc gọi trong kỳ báo cáo:**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Khách hàng | | Nội dung gọi điện quảng cáo (1) | | Số cuộc gọi đã thực hiện quảng cáo | |
| Tổng số | Tăng/giảm | Tổng số | Tăng/giảm | Tổng số | Tăng/giảm |
|  |  |  |  |  |  |

*Chú thích: Các cột* ***Tăng/giảm*** *thể hiện % mức độ tăng/giảm so với kỳ báo cáo trước. Dấu (+) thể hiện tăng, dấu (-) thể hiện giảm;*

1. *Thông điệp quảng cáo là cuộc gọi (mẫu) quảng cáo*

**4. Kiến nghị: …………………………………………………………………….**

**……………………..…………………….……………………………………….**

|  |  |
| --- | --- |
|  | **Đại diện có thẩm quyền của doanh nghiệp**  *Chữ ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu* |

**Mẫu số 12**

**Mẫu báo cáo định kỳ đối với tổ chức/cá nhân được cấp tên định danh**

*(Ban hành kèm theo Nghị định số /NĐ-CP ngày / /2019 của Chính phủ)*

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN TỔ CHỨC**  Số: ……………… | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**  *……, ngày ……tháng ……năm ……* |

**BÁO CÁO ĐỊNH KỲ CỦA CÁC TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐƯỢC CẤP TÊN ĐỊNH DANH**

(Kỳ báo cáo từ ngày … /….. /20..… đến ……/…../20..…)

Kính gửi:Trung tâm Ứng cứu khẩn cấp máy tính Việt Nam

Tên doanh nghiệp: ………………………………………………………………

Địa chỉ liên lạc: …………………………………………………………………

**1. Tổng doanh thu và mức độ tăng trưởng từ dịch vụ quảng cáo (nếu có) bằng tên định danh trong kỳ báo cáo:**

- Tổng doanh thu trong kỳ báo cáo:……………………………………….

- Mức độ tăng trưởng so với kỳ báo cáo trước .…………………..............

**2.** **Tổng doanh thu và mức độ tăng trưởng từ dịch vụ nội dung (nếu có) bằng tên định danh trong kỳ báo cáo:**

- Tổng doanh thu trong kỳ báo cáo:………………………………………

- Mức độ tăng trưởng so với kỳ báo cáo trước …………………………....

**3. Tổng hợp thống kê về việc sử dụng tên định danh:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Tên chương trình quảng cáo gửi tin nhắn sử dụng tên định danh | Tên định danh sử dụng | Nội dung gửi  *(theo từng chương trình và tên định danh sử dụng)* | Số lượng gửi tin | Thời gian gửi tin |
|  |  |  |  |  |

**4. Kiến nghị:** ……………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………

**Đại diện có thẩm quyền của tổ chức, cá nhân**

(*Chữ ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu*)

**Mẫu số 13**

**Mẫu báo cáo định kỳ đối với doanh nghiệp viễn thông di động được cấp tên định danh**

*(Ban hành kèm theo Nghị định số /NĐ-CP ngày / /2019 của Chính phủ)*

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN DOANH NGHIỆP**  Số: ……………… | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**  *……, ngày ……tháng ……năm ……* |

**BÁO CÁO ĐỊNH KỲ CỦA DOANH NGHIỆP VIỄN THÔNG DI ĐỘNG ĐƯỢC CẤP TÊN ĐỊNH DANH**

*(Kỳ báo cáo từ ngày ….. /….. /20..… đến ……/…../20..…)*

Kính gửi:Trung tâm Ứng cứu khẩn cấp máy tính Việt Nam

**1. Tổng doanh thu và mức độ tăng trưởng từ dịch vụ quảng cáo bằng tên định danh trong kỳ báo cáo:**

- Tổng doanh thu trong kỳ báo cáo:………………………………………

- Mức độ tăng trưởng so với kỳ báo cáo trước:………………………….....

**2. Thống kê số lượng tên định danh được sử dụng** *(phát sinh lưu lượng tin nhắn)*

- Tổng số lượng tên định danh đã khai báo trên hệ thống:…………………

- Tổng số tên định danh phát sinh lưu lượng tin nhắn:…………………….

**3. Tổng hợp thống kê về việc sử dụng tên định danh:**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Khách hàng | | Số thông điệp quảng cáo sử dụng tên định danh | | Số tin nhắn sử dụng tên định danh | |
| Tổng số | Tăng/giảm (so với kỳ trước) | Tổng số | Tăng/giảm  (so với kỳ trước) | Tổng số | Tăng/giảm  (so với kỳ trước) |
|  |  |  |  |  |  |

**4. Tổng hợp thống kê về việc sử dụng tên định danh theo lĩnh vực:**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Lĩnh vực | Số thông điệp quảng cáo sử dụng tên định danh | | Số tin nhắn sử dụng tên định danh | |
| Tổng số | Tăng/giảm  (so với kỳ trước) | Tổng số | Tăng/giảm  (so với kỳ trước) |
|  |  |  |  |  |  |

**5. Thống kê các mức cước tin nhắn sử dụng tên định danh**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Lĩnh vực | Mức cước tương ứng | Số thông điệp quảng cáo | Số tin nhắn quảng cáo gửi đi |
|  |  |  |  |  |

*Chú thích: Các cột* ***Tăng/giảm*** *thể hiện % mức độ tăng/giảm so với kỳ báo cáo trước. Dấu (+) thể hiện tăng, dấu (-) thể hiện giảm; Thông điệp quảng cáo là một bản tin (mẫu) quảng cáo, đại diện cho một chương trình (campaign) quảng cáo*.

**6. Kiến nghị:** ………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

**Đại diện có thẩm quyền của doanh nghiệp**

(*Chữ ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu*)

**Mẫu số 14**

**Mẫu báo cáo định kỳ về tin nhắn đối với doanh nghiệp viễn thông di động**

*(Ban hành kèm theo Nghị định số /NĐ-CP ngày / /2019 của Chính phủ)*

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN DOANH NGHIỆP**  Số: ……………… | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**  *……, ngày ……tháng ……năm ……* |

**BÁO CÁO ĐỊNH KỲ VỀ TIN NHẮN ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP VIỄN THÔNG DI ĐỘNG**

*(Kỳ báo cáo từ ngày ….. /….. /20..… đến ……/…../20..…)*

Kính gửi:Trung tâm Ứng cứu khẩn cấp máy tính Việt Nam

Tên doanh nghiệp: ………………………………………………………………

Địa chỉ: …………………………………………………………………………

1.Tổng hợp thống kê về tình hình trao đổi tin nhắn trong kỳ báo cáo

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Thuê bao | | Tin nhắn | | | | Tin nhắn quảng cáo | | | |
| Tổng số | Tăng giảm | Gửi đi (1) | | Nhận (2) | | Từ người quảng cáo | | Từ nhà cung cấp dịch vụ quảng cáo (3) | |
| Tổng số | Tăng giảm | Tổng số | Tăng giảm | Tổng số | Tăng giảm | Tổng số | Tăng giảm |
|  |  |  |  |  |  |  | |  |  |

Tổng số khách hàng là nhà cung cấp dịch vụ quảng cáo bằng tin nhắn trong kỳ báo cáo

2. Tổng hợp thống kê về tình hình tin nhắn rác trong kỳ báo cáo

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Số báo cáo tin nhắn rác nhận được | | | | Tin nhắn rác đã được ngăn chặn | | | |
| Tổng số | Tăng giảm | Số lượng đã được xử lý | | Tổng số | Tăng giảm | Lượng tin nhắn chặn sai (4) | |
| Tổng số | Tăng giảm | Tổng số | Tăng giảm |
|  |  |  |  |  |  |  |  |

*Chú thích: Các cột Tăng/giảm thể hiện % mức độ tăng/giảm so với năm trước. Dấu (+) thể hiện tăng, dấu (-) thể hiện giảm*

*(1) Tin nhắn gửi tới các thuê bao của nhà cung cấp dịch vụ tin nhắn*

*(2) Tin nhắn đi từ các thuê bao của nhà cung cấp dịch vụ tin nhắn*

*(3) Tin nhắn có nhãn dạng [Mã số quản lý]*

*(4) Tin nhắn chặn sai do người dùng phản ánh*

3. Kiến nghị

……………………………………………………………………………………

………………………………………………………………..…………………..

……………………………………………………………………………………

**Đại diện có thẩm quyền của doanh nghiệp**

(*Chữ ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu*)